

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **877** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 9 - 2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Chính

2. Ông Nguyễn Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 470/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1970.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1979.

Đồng trú tại: Tổ 5, KV8, Phường N, Tp. Q, tỉnh B.

(Anh S có mặt; chị T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, anh và chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T vào ngày 25/6/2009. Sau khi cưới vợ chồng anh sống hạnh phúc tại nhà của cha mẹ anh S; đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên sống không hợp, không hiểu nhau; cả

hai không quan tâm chia sẻ trong cuộc sống; vợ chồng sống lạnh nhạt; không có tiếng nói chung rồi dần dần vợ chồng không còn tình cảm và nguyên nhân khác là do mâu thuẫn giữa mẹ ruột anh với chị T nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh S và chị T cả hai gia đình đều biết, có động viên, hàn gắn nhưng không được. Từ tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại anh thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh S và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T*: Tòa đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng chị T không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh S xin ly hôn chị T; anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T, trú tại: Tổ 5, KV8, Phường N, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho chị T nhưng chị T không đến Tòa làm việc; qua xác minh tại nơi cư trú chị T hiện chưa cất khẩu chuyển đi nơi khác. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T không có mặt tại phiên tòa; đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2009 tại UBND xã P, huyện T trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh S, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà mẹ ruột của anh ở Tp. Q cho đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên sống lạnh nhạt, không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung rồi dần dần vợ chồng cũng không còn tình cảm. Ngoài ra, quan hệ giữa mẹ ruột anh S với chị T cũng có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh S và chị T cả hai gia đình đều biết, có động viên, hàn gắn nhưng không được. Hiện tại vợ chồng sống ly thân. Do đó, anh S yêu cầu được ly hôn chị T.

HĐXX nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Sau khi cưới, vợ chồng anh S chị T sống hạnh phúc cho đến 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ như bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hiểu nhau; mâu thuẫn giữa mẹ ruột anh S với chị T. Nhưng anh S và chị T không cùng ngồi nói chuyện, không tìm cách tháo gỡ dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng sống lạnh nhạt rồi dần dần không còn tình cảm. Mặc dù, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn nhưng không được. Hiện tại anh S và chị T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án chị T không đến Tòa để hòa giải, điều đó chứng tỏ chị không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với anh S. Nhận thấy tình cảm giữa anh S, chị T thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa anh S, chị T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh S, chị T không có con chung nên Tòa không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh S phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thùy T không có con chung nên Tòa không giải quyết.

3. Về chia tài sản: Anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001445 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q (anh S đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND xã P, huyệnT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định